TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-PT
Ngày: 20 tháng 12 năm 2021
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tuyết Mai

Các Thẩm phán: Ông Vũ Văn Giáp

Ông Hoàng Tuấn Anh

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Minh Sự, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị T Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2021/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2021 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 21/2021/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã T bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 14/2021/QĐPT-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1993; HKTT: Khu phố K, phường H, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh. Nơi cư trú: Khu phố T, phường C, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

Bị đơn: Anh Đàm Công T1, sinh năm 1993; HKTT và nơi cư trú: Khu phố K, phường H, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn anh Đàm Công T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị kết hôn với anh Đàm Công T1 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H (nay là phường H), thị xã T, tỉnh Bắc Ninh ngày 11/9/2012. Quá trình chung sống vợ chồng sống không hòa Tận hạnh phúc. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh T1 hay xúc phạm chị. Từ tháng 12/2020 đến nay chị về nhà bố mẹ đẻ ở Trịnh Xá, phường C, thị xã T sinh sống. Vợ chồng sống ly thân và không còn

quan tâm, chăm sóc nhau. Chị xác định không còn tình cảm với anh T1 và không thể tiếp tục chung sống nên đề nghị ly hôn.

Con chung: Vợ chồng có hai con là Đàm Thị Lan A sinh ngày 15/9/2012 và Đàm Công Q sinh ngày 05/6/2016. Khi ly hôn, chị xin được nuôi cả hai con, không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con. Chị đang làm nhân viên bán hàng của Doanh nghiệp tư nhân Mạnh Cường, địa chỉ cửa hàng xăng dầu Phù Đổng, Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội, T nhập khoảng 6.000.000đồng/tháng.

Tài sản chung, công nợ, công sức: Không có.

Bị đơn là anh Đàm Công T1 trình bày: Anh công nhận lời trình bày của chị T về thời điểm kết hôn, tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu Thuẫn và thời điểm ly thân, con chung là đúng. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cũng đồng ý ly hôn.

Khi ly hôn, anh có nguyện vọng nuôi cả hai con chung và yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.000.000 đồng/tháng vào ngày 15 hàng tháng tính từ tháng 8/2021 cho đến khi hai con đủ 18 tuổi. Anh không đồng ý cho chị T nuôi con vì từ khi bỏ về nhà bố mẹ đẻ đến nay, chị T không quan tâm, chăm sóc con. Khi con bị ốm, anh đã gọi điện nhưng chị T không đến thăm, chăm sóc con, chị T đi làm suốt ngày, không có thời gian chăm sóc con. Anh cũng đi làm nhưng do ở cùng với mẹ nên mẹ anh có thời gian chăm sóc các cháu thay anh. Hiện nay, anh đang làm công việc tự do, T nhập khoảng 7.000.000 đồng/tháng.

Tài sản chung, công nợ, công sức: Không có**.**

Với nội dung trên, Tòa án nhân dân thị xã T đã áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 233; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 8, 9, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đàm Công T1.

2. Con chung: Giao cháu Đàm Công Q sinh ngày 05/06/2016 cho chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Đàm Thị Lan A sinh ngày 15/9/2012 cho anh T1 là người trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. Tài sản chung, công nợ, về công sức đóng góp: Không có.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29/9/2021, anh Đàm Công T1 kháng cáo bản án sơ thẩm. Anh T1 đề nghị cấp phúc thẩm giao hai con chung cho anh nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa Tận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử từ lúc thụ lý đến lúc xét xử vụ án là đúng với quy định của pháp luật; Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Đàm Công T1, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Đàm Công T1 kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, do vậy kháng cáo của các đương sự là hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Đàm Công T1 kết hôn năm 2012, quan hệ hôn nhân là tự nguyện, có đăng ký kết hôn và tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng không hòa Tận, hạnh phúc. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu Thuẫn, từ tháng 12/2020 đến nay vợ chồng sống ly thân, tình cảm không còn nên cả hai đều đồng ý ly hôn. Bản án sơ thẩm xét thấy, mâu Thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đã xử cho chị T được ly hôn anh T1 là phù hợp.

Con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Đàm Công T1 có hai con chung là Đàm Thị Lan A sinh ngày 15/9/2012 và Đàm Công Q sinh ngày 05/6/2016.

Chị T có nguyện vọng nuôi cháu Q; anh T1 có nguyện vọng nuôi cháu Lan A và cháu Q. Cháu Lan A đã gần 9 tuổi đang ở với bố, có nguyện vọng ở với bố, còn cháu Q đã 5 tuổi.

Xét điều kiện nuôi con: Chị T và anh T1 đều có công việc, có T nhập, có tình cảm và sự quan tâm tới con chung; anh, chị đều ở cùng với bố mẹ nên có điều kiện nuôi con là như nhau.

Bản án sơ thẩm sau khi xem xét nguyện vọng của con chung cũng như các điều kiện khác của hai bên đã giao cháu Lan A cho anh T1 nuôi dưỡng và giao cháu cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các đương sự và quy định của pháp luật.

Cấp dưỡng nuôi con: Do mỗi người nuôi một con chung nên bản án sơ thẩm không giải quyết cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, không chấp nhận kháng cáo của anh Đàm Công T1, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về con chung. Các nội dung khác không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Án phí: Do kháng cáo của anh Đàm Công T1 không được chấp nhận nên anh T1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, quyết định: Không chấp nhận kháng cáo của anh Đàm Công T1.

Áp dụng: khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đàm Công T1.

2. Con chung: Giao cháu Đàm Công Q sinh ngày 05/06/2016 cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng. Giao cháu Đàm Thị Lan A sinh ngày 15/9/2012 cho anh Đàm Công T1 nuôi dưỡng,

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Không lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở đến việc nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Tài sản chung, công nợ, công sức: Không có.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2019/0004036 ngày 22/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã T.

Anh Đàm Công T1 phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm. được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2019/0004191 ngày 29/9/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã T.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Bắc Ninh;*
- *TAND tx T;*
- *Chi cục THADS tx T;*
- *Các đương sự*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tuyết Mai